

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **90/2020/DS-ST**

Ngày 30 tháng 9 năm 2020

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quí Quốc.

2. Ông Lê Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Phương - Kiểm sát viên

Trong các ngày 23, 28, 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Cao Hoàng O**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: đường N, ấp M, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Trung tâm P**;

Địa chỉ: đường N, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh B – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc P – Phó trưởng phòng nghiệp vụ (Theo giấy ủy quyền số 28/TTPTQĐ ngày 18/8/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: đường N, ấp M, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt ông O, ông P, vắng mặt bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Cao Hoàng O trình bày: Trung tâm P (gọi tắt là Trung tâm) lợi dụng việc được giao thực hiện bán (giao) nền tái định cư nhưng

không có quyết định giao đất, không có quyết định về giá để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ. Ông chưa nhận được quyền sử dụng đất nhưng Trung tâm cưỡng thu tiền mua nền tái định cư 144.000.000 đồng, nếu ông không nộp thì bị phạt theo ngày không nộp. Trung tâm thực hiện hành vi trái pháp luật, lạm quyền, không có chức năng thẩm quyền thực hiện hành vi phạt người không có quyền về quyền sử dụng đất, phạt bằng mệnh lệnh miệng, không biên bản vi phạm, không quyết định xử phạt.

Ngày 03/02/2012, vợ ông là bà Lê Thị H có đến Trung tâm nộp hai khoản tiền là 80.424.000 đồng và 144.000.000 đồng do bị cưỡng ép và ông bận công tác.

Tại phiên toà phúc thẩm do Toà án nhân dân tối cao xét xử công khai ngày 29/4/2014, Trung tâm thừa nhận làm sai trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và đồng ý chấm dứt hành vi trái pháp luật, hoàn trả tiền phạt trái pháp luật cho ông.

Tại bản án số 60/2014/HC-PT ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định “chấp nhận việc chấm dứt hành vi hành chính của người bị kiện”. Tuy nhiên từ khi nhận được bản án Trung tâm không thi hành, không thực hiện việc thoả thuận hoàn trả, không khắc phục hậu quả.

Ông không tranh chấp về việc Trung tâm có thực hiện đúng thủ tục hay không, do bản án phúc thẩm của Toà án nhân dân tối cao giải quyết và xác định hành vi phạt tiền của Trung tâm là sai.

Ông Cao Hoàng O yêu cầu Trung tâm P giao trả cho ông số tiền 80.424.000 đồng, bồi thường cho ông số tiền lãi là 128.678.400 đồng (tạm tính đến ngày 03/2/2020, lãi suất 20%/năm từ ngày 03/02/2012 cho đến ngày bồi thường), tổng cộng là 209.102.400 đồng (tạm tính đến ngày 03/02/2020) và thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại văn bản số 26/TTPTQĐ-NV ngày 03/8/2020 của Trung tâm P trình bày:

Theo phương án tái định cư ông Cao Hoàng O được bố trí 01 nền tái định cư loại nền 120m² tại dự án đầu tư công trình đường H nối dài và kết cấu hạ tầng khu dân cư hai bên đường, ông được nhận tiền bồi thường do bị thu hồi đất. Ngày 27/02/2008, ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố M tổ chức bốc thăm chọn nền tái định cư thì ông O bốc thăm trúng nền 36, số lô B1, loại nền 120m² theo phiếu bốc thăm ngày 27/02/2008 và Phiếu thông báo số 26/BTHT&TĐC ngày 27/02/2008.

Ngày 09/6/2008, Trung tâm có tờ trình số 115/TTr.TTQĐ-HT về việc thu, nộp tiền sử dụng đất đối với nền tái định cư thuộc dự án đường H nối dài. Đối với trường hợp của ông O thuộc trường hợp chậm trả tiền sử dụng đất thì xử phạt theo mục 1, Điều 18 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang thống nhất theo Công văn số 3623/UBND-CN ngày 02/7/2008.

Ngày 15/7/2008, Trung tâm có Công văn số 144/TTQĐ-HT về việc gia hạn thời gian nộp tiền sử dụng đất tại khu tái định cư dự án đường H nối dài chậm nhất

đến ngày 01/8/2008. Ngày 17/7/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh T có Công văn số 3939/UBND-CN về việc gia hạn thời gian nộp tiền sử dụng đất tại khi tái định cư thuộc dự án đường H nối dài. Theo Công văn số 1261/STC-VGCS ngày 23/9/2005 của Sở Tài chính về việc phương án tái định cư dự án đường H nối dài thì những hộ được bố trí nền tái định cư chỉ được bàn giao nhận nền tái định cư khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, ngoài trừ các trường hợp được xem xét chính sách trả chậm. Trường hợp của ông O do ông chưa nộp tiền nên không tổ chức bàn giao.

Ngày 14/7/2008, Trung tâm có Công văn số 143/TTQĐ-HT về việc thu, nộp tiền sử dụng đất đối với nền tái định cư dự án đường H nối dài gửi Cục thuế tỉnh T đề nghị hướng dẫn cách thu tiền nộp phạt do chậm nộp tiền sử dụng đất đối với nền tái định cư thuộc dự án đường H nối dài.

Ngày 24/7/2008, Cục thuế tỉnh T có Công văn số 653/CT-THNVDT về việc tính tiền phạt do chậm nộp tiền sử dụng đất đối với nền tái định cư thuộc dự án đường H nối dài.

Trung tâm nhiều lần thông báo mời ông O đến Trung tâm nộp tiền sử dụng đất và nhận nền tái định cư.

Ngày 18/5/2009, Trung tâm có biên bản về việc họp các hộ dân chậm nhận nền tái định cư dự án đường H nối dài. Ông O có ý kiến là do khó khăn về tiền bạc nên đề nghị Trung tâm cho hên đến tháng 11/2009 sẽ đóng tiền nhận nền tái định cư, thống nhất đóng phạt theo quy định, hiện nay không có khó khăn về chỗ ở. Ngày 08/3/2010 Trung tâm có Thông báo số 36/TTQĐ-HT về việc nộp tiền nhận nền tái định cư gửi đến ông O.

Ngày 05/9/2011, ông O có bản đề nghị gửi đến Trung tâm. Ngày 11/01/2012, Trung tâm mời ông O và các đơn vị có liên quan đến Trung tâm họp theo bản đề nghị. Ngày 06/3/2012, Cục thuế tỉnh T có Công văn số 193/CT-THNVDT về việc mức phạt chậm nộp tiền sử dụng đất, các trường hợp vi phạm về chậm nộp tiền thuế, tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước điều bị xử phạt nộp chậm theo mức 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế, tiền sử dụng đất nộp chậm.

Ngày 03/02/2012, ông O đã nộp tiền nhận nền tái định cư vào ngân sách nhà nước số tiền là 144.000.000đ đồng thời ông nộp tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất đường H nối dài tại Trung tâm theo biên lai thu tiền số 0032136 với số tiền 80.424.000đ. Tiền phạt chậm nộp tính từ ngày 12/01/2009 đến ngày 03/02/2012 tổng số 1.117 ngày ($144.000.000đ \times 0.05\% \times 1.117 \text{ ngày} = 80.424.000đ$).

Ngày 04/02/2012, Trung tâm nộp số tiền 80.424.000đ vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Ngày 02/6/2014, ông O có đơn yêu cầu thi hành bản án phúc thẩm số 60/2014/HC-PT ngày 29/4/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/6/2014, Trung tâm mời ông O đến Trung tâm họp. Do ông O yêu cầu Trung tâm thực hiện có khoản tiền không nêu trong nội dung bản án phúc thẩm nên không thỏa thuận được.

Ngày 25/6/2014, Trung tâm mời ông O đến Trung tâm họp nhưng hai bên không thỏa thuận được.

Ngày 25/7/2014 ông O có Đơn khiếu nại về bồi thường nhà nước gửi đến Trung tâm.

Ngày 13/8/2014 Trung tâm mời ông O đến Trung tâm họp. Do ông O khiếu nại bồi thường có các nội dung không có trong bản án phúc thẩm do đó Trung tâm không có cơ sở thực hiện.

* Tại bản khai ngày 26/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H trình bày: Bà đồng ý với mọi ý kiến của ông Cao Hoàng O về giải quyết vụ án mà không gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của bà.

* Tại phiên tòa, ông Cao Hoàng O trình bày:

Ông nhiều lần yêu cầu Trung tâm thi hành bản án số 60/2014/HC-PT ngày 29/4/2014. Ông yêu cầu Trung tâm hoàn trả số tiền 80.424.000 đồng; Tiền xe ô tô đến Tòa án tối cao 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng, tổng cộng là 400.000 đồng; Tiền mướn tư vấn pháp lý là 45.000.000 đồng; Tiền lãi của số tiền 144.000.000 đồng mà ông phải vay 05 năm qua là 131.328.000 đồng và tiền lãi của số tiền 80.424.000 đồng với lãi suất 0,05%/ngày tính từ ngày 03/02/2012 đến ngày thực trả. Nhưng hai bên không thỏa thuận được, ông đồng ý nhận 80.424.000 đồng nhưng Trung tâm buộc phải cam kết không yêu cầu các khoản còn lại nữa.

Biên bản ngày 18/5/2009 là đúng ý chí của ông, ông thống nhất đóng phạt theo quy định chứ không thống nhất đóng phạt theo yêu cầu của Trung tâm. Ông không nhận được thông báo nào để ông thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật, ông có đến nộp 144.000.000 đồng theo yêu cầu của Trung tâm nhưng Trung tâm không nhận, yêu cầu phải đóng tiền phạt chậm nộp.

Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Trung tâm P giao trả cho ông số tiền 80.424.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho ông số tiền là 138.061.200 đồng (tiền lãi theo lãi suất 20%/năm từ ngày 03/02/2012 cho đến ngày 03/9/2020), tổng cộng là 218.485.200 đồng.

Ngày 29/4/2014, bản án 60/2014/HC-PT ngày 29/4/2014 có hiệu lực pháp luật. Sau khi hai bên không thỏa thuận được, ngày 23/9/2014, ông O nộp đơn khởi kiện khởi kiện Trung tâm ra Tòa án nhưng ông bị trả đơn khởi kiện. Ngày 12/12/2014, ông nhận được quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 634/2014/QĐ.TAT ngày 08/12/2014 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Sau đó ông gửi đơn khiếu nại nhiều nơi nhưng ông không có chứng cứ chứng minh do ông đã làm lạc mất.

Nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Trung tâm bồi thường thiệt hại cho ông số tiền là 138.061.200 đồng (tiền lãi theo lãi suất 20%/năm từ ngày 03/02/2012 cho đến ngày 03/9/2020) nữa mà yêu cầu Trung tâm thực hiện

trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là trả lãi của số tiền 80.424.000 đồng. Tiền lãi 20.508.120 đồng theo lãi suất 9%/năm từ 29/4/2014 đến 31/12/2016 là 02 năm 10 tháng, tiền lãi 30.159.000 đồng từ 01/01/2017 đến 30/9/2020 là 03 năm 09 tháng, tổng cộng là 50.667.120 đồng.

* Người đại diện theo uỷ quyền của Trung tâm là ông P trình bày: Ông Cao Hoàng O biết về việc ông nộp tiền sử dụng đất chậm sẽ bị phạt, Trung tâm chỉ thu và nộp hộ tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất của ông nộp vào Kho bạc Nhà nước, Trung tâm có thoả thuận trả lại số tiền 80.424.000 đồng cho ông O nhưng ông đòi thêm các khoản không hợp lý nên hai bên không thoả thuận được. Vì vậy Trung tâm không đồng ý yêu cầu đòi lại 80.424.000 đồng của ông O. Trung tâm yêu cầu áp dụng thời hiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là 138.061.200 đồng của ông O.

Đối với việc ông O thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Trung tâm trả lãi của số tiền 80.424.000 đồng thì Trung tâm không đồng ý do bản án số 60/2014/HCPT ngày 29/4/2014 không có buộc Trung tâm phải trả tiền cho ông, sau khi hai bên thoả thuận không được vào năm 2014 thì ông có quyền khởi kiện ra Toà án nhưng ông không thực hiện cho đến nay và thời hiệu cũng đã hết ba năm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng đối với yêu cầu khởi kiện đòi tài sản là số tiền 80.424.000 đồng của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu trả tiền lãi đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận do bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn Cao Hoàng O yêu cầu Trung tâm P giao trả cho ông số tiền 80.424.000 đồng đã thu theo biên lai ngày 03/02/2012 và tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp đòi tài sản được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 26/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do điều kiện sức khoẻ. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị H.

[3] *Về yêu cầu giao trả số tiền 80.824.000 đồng:* Theo phương án tái định cư ông Cao Hoàng O được bố trí 01 nền tái định cư loại nền 120m² tại dự án đầu tư công trình đường H nối dài và kết cấu hạ tầng khu dân cư hai bên đường. Ông

O bốc thăm trúng nền 36, số lô B1, loại nền 120m² theo phiếu bốc thăm ngày 27/02/2008 và Phiếu thông báo số 26/BTHT&TĐC ngày 27/02/2008. Theo Công văn số 1261/STC-VGCS ngày 23/9/2005 của Sở Tài chính về việc phương án tái định cư dự án đường H nối dài thì những hộ được bố trí nền tái định cư chỉ được bàn giao nhận nền tái định cư khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, ngoại trừ các trường hợp được xem xét chính sách trả chậm. Trường hợp của ông O do ông chưa nộp tiền nên không tổ chức bàn giao. Ngày 18/5/2009, ông O có ý kiến tại cuộc họp các hộ dân chậm nhận nền tái định cư dự án đường H nối dài là do khó khăn về tiền bạc nên đề nghị Trung tâm cho hên đến tháng 11/2009 sẽ đóng tiền nhận nền tái định cư, thống nhất đóng phạt theo quy định, hiện nay không có khó khăn về chỗ ở. Ngày 08/3/2010 Trung tâm có Thông báo số 36/TTQĐ-HT về việc nộp tiền nhận nền tái định cư gửi đến ông O. Ngày 06/3/2012, Cục thuế tỉnh T có Công văn số 193/CT-THNVDT về việc mức phạt chậm nộp tiền sử dụng đất, các trường hợp vi phạm về chậm nộp tiền thuế, tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước điều bị xử phạt nộp chậm theo mức 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế, tiền sử dụng đất nộp chậm. Ngày 03/02/2012, ông O đã nộp tiền nhận nền tái định cư vào ngân sách nhà nước số tiền là 144.000.000đ đồng thời ông nộp tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất đường H nối dài tại Trung tâm theo biên lai thu tiền số 0032136 với số tiền 80.424.000đ. Tiền phạt chậm nộp tính từ ngày 12/01/2009 đến ngày 03/02/2012 tổng số 1.117 ngày ($144.000.000đ \times 0.05\% \times 1.117 \text{ ngày} = 80.424.000đ$).

Xét thấy ông Cao Hoàng O nhận nền tái định cư không có quyết định giao đất, không có quyết định về giá để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo khoản 4 Điều 106 Luật quản lý thuế năm 2006, điểm a khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Ông O chưa nhận được quyền sử dụng đất. Trung tâm chỉ dựa vào biên bản cuộc họp và tính toán của Cục thuế tỉnh T để phạt tiền là không đúng theo quy định của pháp luật. Mặc khác, hết thời hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp tiền thuế và tiền phạt chậm nộp thì cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Quản lý thuế năm 2006. Thẩm quyền xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền thuế là của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế theo khoản 2 Điều 109 Luật Quản lý thuế năm 2006. Vì vậy Trung tâm yêu cầu ông O đến Trung tâm nộp tiền phạt chậm nộp là không đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông O theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy, tại đơn khởi kiện, ông O yêu cầu bồi thường thiệt hại cho ông số tiền là 138.061.200 đồng (tiền lãi theo lãi suất 20%/năm từ ngày 03/02/2012 cho đến ngày 03/9/2020) nhưng tại phiên toà ông thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Trung tâm trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi bản án số 60/2014/HC-PT có hiệu lực pháp luật là ngày 29/4/2014 đến ngày 30/9/2020 là 50.667.120 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông O thay đổi yêu cầu

khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Về yêu cầu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:*

Xét thấy, tại bản án số 60/2014/HC-PT ngày 29/4/2014 tuyên chấp nhận việc chấm dứt hành vi hành chính của Trung tâm, không buộc Trung tâm phải trả tiền cho ông O nên không phát sinh nghĩa vụ trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O theo khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Trung tâm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông O đối với Trung tâm được Toà án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ông O được miễn áp phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 106, khoản 2 Điều 109 Luật Quản lý thuế năm 2006;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Hoàng O.
2. Buộc Trung tâm P có trách nhiệm trả lại cho ông Cao Hoàng O số tiền 80.424.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Cao Hoàng O về việc Trung tâm P trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.

4. Về án phí: Trung tâm phải chịu 7.305.403,4 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni